

Lê Phụ Trần

Lê Phụ Trần là danh tướng đời Trần Thái Tông, không rõ năm sinh, năm mất. Có sách chép nguyên tên là Lê Tần, hoặc Lê Tân Trần, sau được Trần Thái Tông ban tên là “Phụ Trần” để tưởng thưởng công lớn trong cuộc kháng Nguyên giữ nước.

Ông người ở Ái Châu (Thanh Hóa), làm Ngự sử trung tướng. Đinh Tị 1257, ông nổi tiếng trong nhiệm vụ bảo giá Thái Tông lui quân sang sông Lô, kháng cự mãnh liệt với quân Nguyên. Yên giặc, Thái Tông phong ông làm Ngự sử Đại phu, gả bà hoàng hậu cũ là Lý Chiêu Hoàng cho ông.

Sau đó, ông lãnh mệnh đi sứ nhà Nguyên bàn về việc triều cống, thông hảo. Khi về thăng làm Thủy quân đại tướng công. Đời Thánh Tông năm Giáp Tuất 1274 thăng chức Thiếu sư, kiêm việc dạy dỗ Đông cung Thái tử, đến đời Nhân Tông, ông mất.

Kể ra công lao ông đáng được ca tụng. Tuy nhiên, về việc vua Trần đem gả Chiêu Thánh công chúa (Lý Chiêu Hoàng) cho ông, khiến ông chẳng khỏi miệng đời cười chê.

Lê Quý Đôn (Bính Ngọ 1726 – Giáp Thìn 1784)

Lê Quý Đôn (Bính Ngọ 1726 – Giáp Thìn 1784)

Nhà văn hoá, sử gia lớn Việt Nam thời Hậu Lê. Thuở nhỏ tên là Lê Danh Phương, sau đổi là Quý Đôn. Quê làng Duyên Hà, huyện Duyên Hà, nay là Hưng Hà, tỉnh

Thái Bình. Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng lâu đời. Thuở nhỏ ông nổi tiếng thông minh, có trí nhớ phi thường nên được mọi người gọi là thần đồng.

Năm Quý Hợi 1743 đỗ giải nguyên năm 17 tuổi, hội nguyên năm 26 tuổi và thi đình đỗ bảng nhãn. Năm 1752 đỗ nhất giáp tiến sĩ (Bảng nhãn). Giữ chức thị giảng Viện hàn lâm và Viện quốc sử (1757), lãnh chức phó sứ sang triều nhà Thanh (Trung Quốc) (1760).

Học vấn uyên bác và tài ứng đối của ông đã làm cho các triều thần nhà Thanh và sứ thần Triều Tiên kính trọng. Sau khi về nước, ông làm đốc đồng Kinh Bắc, tham chính Hải Dương, tư nghiệp Quốc Tử Giám, kiêm trông coi việc biên soạn quốc sử (1767) và được thăng chức bồi tụng ở Phủ chúa; hiệp trấn Thuận Hoá và tham tụng Thăng Long (1776); hiệp trấn Nghệ An (1783).

Khi mất, được truy tặng hàm thượng thư Bộ Công. Lê Quý Đôn đọc rộng, biết nhiều, trước tác bao gồm nhiều lĩnh vực. Là người Việt Nam đầu tiên biết đến lí thuyết quả đất tròn gồm bốn châu (Á, Âu, Phi, Mĩ), người sớm nhất lưu ý đến một số vấn đề khoa học tự nhiên. Về vũ trụ học, đề xuất thuyết "lí khí"; về trị nước, chủ trương "đức trị" đi đôi với "pháp trị", trọng dụng nhân tài. Có nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn, sáng tác.

Theo thống kê chưa đầy đủ, số lượng các tác phẩm gồm khoảng 40 bộ (nay còn lại gần một nửa). Đáng chú ý nhất là các tác phẩm về triết học: "Thánh mô hiền phạm lục", "Quần thư khảo biên", " Dịch kinh phụ thuyết"; về lịch sử: "Đại Việt thông sử",

"Quốc sử tục biên"; về khảo cứu: "Phủ biên tạp lục", "Kiến văn tiểu lục", "Vân đài loại ngữ"; về sáng tác: "Bắc sử thông lục", "Quế Đường thi tập"; về sưu tập: "Toàn Việt thi lục".

Lê Lợi

Lê Lợi sinh ngày 6 tháng Tám năm Ất Sửu - 10/9/1385, là con trai thứ 3 của ông Lê Khoáng và bà Trịnh Thị Thương, người ở hương Lam Sơn, huyện Lương Giang, trấn Thanh Hoá. Ngay từ khi còn trẻ, Lê Lợi đã tỏ ra là người thông minh, dũng lược, đức độ hơn người, dáng người hùng vĩ, mắt sáng, miệng rộng, mũi cao, trên vai phải có nốt ruồi đỏ lớn, tiếng nói như chuông, bậc thức giả biết ngay là người phi thường.

Lớn lên, ông làm chức Phụ đạo ở Khả Lam, ông chăm chỉ dùi mài đọc sách và binh pháp, nghiên ngẫm thao lược, tìm mời những người mưu trí, chiêu tập dân lưu tán, hăng hái dấy nghĩa binh, mong trừ loạn lớn.

Mùa xuân năm Mậu Tuất - 1418, Lê Lợi đã cùng những hào kiệt đồng chí hướng như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Bùi Quốc Hưng, Lưu Nhân Chú v.v... phát cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định Vương, kêu gọi nhân dân đồng lòng đứng lên đánh giặc cứu nước.

Suốt 10 năm nằm gai nếm mật, vào sinh ra tử, Lê Lợi đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi.

Sau hội thề Đông Quan, ngày 29/12/1427, bại binh của giặc bắt đầu được phép rút quân về nước an toàn, đến ngày 3/1/1428, bóng dáng quân Minh cuối cùng đã bị quét sạch khỏi bờ cõi.

Ngày 15 tháng Tư năm Mậu Thân - 1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi Vua tại điện Kính Thiên xưng là "Thuận Thiên thừa vận, Duệ Văn Anh Vũ Đại Vương" đặt tên nước là Đại Việt, đóng đô ở Đông Đô (Hà Nội) đại xá thiên hạ, ban bố "Bình Ngô đại cáo" - đây chính là "Tuyên ngôn độc lập" lần thứ 2 của tổ quốc ta. Bình Ngô đại cáo mở đầu ghi:

"... Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo
Xét như nước Đại Việt ta,
Thực là một nước văn hiến
Cõi bờ sông núi đã riêng
Phong tục Bắc Nam cũng khác..."

"Bình Ngô đại cáo" do Nguyễn Trãi thảo là một thiên anh hùng ca tuyệt vời, bất hủ, nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, truyền thống quật cường, bất khuất của dân tộc ta.

Trong Đại Việt sử ký toàn thư có ghi lời bàn: "Lê Thái Tổ từ khi lên ngôi đến khi mất, thi hành chính sự, thực rất khả quan, như ấn định luật lệnh, chế tác lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, xây dựng quan chức, thành lập phủ huyện, thu thập sách vở, mở

mang trường học... cũng có thể gọi là có mưu kế xa rộng, mở mang cơ nghiệp..."

Lê Thái Tổ mất ngày 22 tháng Tám năm Quý Sửu - 1433, hưởng thọ 49 tuổi, táng ở Vĩnh Lăng tại Lam Sơn, Thanh Hoá, trị vì được 5 năm.

Tailieu.vn